

Tình hình Trẻ em Thế giới 2008: VIỆT NAM

CHỈ SỐ	THẾ GIỚI	KHU VỰC	VIỆT NAM	MICS 2006 ¹
Chỉ số nhân khẩu học				
Tổng số dân (2006)	6,577,236,000	1,968,675,000	86,206,000	
Dân số dưới 18 tuổi (2006)	2,212,024,000	566,804,000	30,570,000	
Dân số dưới 5 tuổi (2006)	625,781,000	144,870,000	8,101,000	
Sự sống còn của trẻ				
Tuổi thọ khi sinh (2006)	68	72	74	
Tỉ lệ tử vong ở trẻ sơ sinh (dưới 28 ngày) trên 1000 ca sinh sống. (2000)	30	20		
Tỉ lệ tử vong ở trẻ dưới 1 tuổi trên 1000 ca sinh sống. (2006)	49	23	15	22 ²
Tỉ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi trên 1000 ca sinh sống (2006)	72	29	17	27 ²
Tỉ lệ tử vong ở trẻ dưới 5 tuổi, tỉ lệ giảm trung bình hàng năm (1990-2006)	1.6	4.0	7.1	
Tỉ lệ tử vong ở bà mẹ trên 100.000 ca sinh sống (2005, đã điều chỉnh)	400	150	150 ³	162
Y tế và dinh dưỡng				
Phần trăm trẻ sơ sinh thiếu cân (1999-2006*)	15	6	7	7
Phần trăm trẻ em dưới 5 tuổi bị thiếu cân từ mức vừa phải đến mức nghiêm trọng (2000-2006*)	25	14	25	20.2
Phần trăm dân số sử dụng nguồn nước sinh hoạt có chất lượng tốt hơn (2004)	83	79	85	89
<ul style="list-style-type: none"> • Thành thị • Nông thôn 	95 73	92 70	99 80	97.1 86.2
Phần trăm dân số có đủ phương tiện vệ sinh môi trường (2004)	59	51	61	64.3
Phần trăm trẻ em 1 tuổi được tiêm phòng (2006) các bệnh sau: ⁴				
<ul style="list-style-type: none"> • bệnh lao (BCG) • bệnh bạch hầu/ ho lao/ uốn ván (DPT1) • bệnh bạch hầu/ ho lao / uốn ván (DPT3) • bệnh bại liệt (bại liệt 3) • bệnh sởi • bệnh viêm gan B (hepB3) • bệnh cảm cúm ho ra máu tuýp b (Hib 3) 	87 89 79 80 80 60 22	91 92 89 89 89 86 2	95 94 94 94 93 93 -	93.7 92 76 73.9 87.2 32.3

¹ MICS 2006 (Điều tra đánh giá các mục tiêu trẻ em và phụ nữ) là điều tra hộ gia đình về phụ nữ và trẻ em. MICS điều tra 8356 hộ gia đình với 9473 phụ nữ và 2680 trẻ em dưới 5 tuổi. Vì là cuộc điều tra dựa trên mẫu nên số liệu mà MICS đưa ra sẽ khác với số liệu thường niên của các Bộ - là nguồn chính cho số liệu của Báo cáo Tình hình Trẻ em Thế giới

² Số liệu này cao hơn đáng kể số liệu do báo cáo thường xuyên trong cột của Việt Nam, điều này chủ yếu là do bản chất của phương pháp điều tra MICS đã tính toán tỉ lệ tử vong của trẻ dưới 1 tuổi và tỉ lệ tử vong của trẻ dưới 5 tuổi dựa vào kỹ thuật ước tính gián tiếp được gọi là Phương pháp Brass. Kỹ thuật này sử dụng số trẻ em trung bình được sinh ra bởi các nhóm 5 độ tuổi của phụ nữ và tỷ lệ chết của số trẻ em này. Kỹ thuật này biến đổi các số liệu trên thành xác suất chết. Đề nghị xem báo cáo MICS để biết thêm chi tiết.

³ Số liệu này lúc đầu là 160, tính toán dựa trên báo cáo thường xuyên của Chính phủ Việt Nam. Tuy nhiên, số liệu này đã được điều chỉnh xuống thấp hơn (xem trang 145 của Báo cáo Tình hình Trẻ em Thế giới)

⁴ Số liệu của MICS về tỷ lệ tiêm chủng thấp hơn số liệu của Tình hình Trẻ em Thế giới vì điều tra MICS dựa vào thông tin của mẹ tiêm chủng do các bà mẹ cung cấp cho điều tra viên để chứng minh cho việc đã đưa trẻ đi tiêm chủng, hoặc dựa vào việc nhớ lại của bà mẹ về từng loại vắc-xin mà con họ đã được tiêm hoặc uống. Số liệu báo cáo thường xuyên về tỷ lệ tiêm chủng thường có xu hướng cao hơn vì dựa vào số vắc-xin cung cấp tổng thể, thông thường cao hơn số lượng vắc-xin thực tế đã được sử dụng để tiêm cho trẻ.

Giáo dục				
Phần trăm học sinh tiểu học lên lớp 5 (theo dữ liệu thống kê; 2000-2006*)	78**	84**	87	97.5
Tỉ lệ học tiểu học đúng tuổi (2000-2006*)				
• Trẻ em trai	80	91	94	95.4
• Trẻ em gái	78	92	94	95.4
Tỉ lệ học PTTH đúng tuổi (2000-2006*)				
• Học sinh nam	50**	60**	77	78.1
• Học sinh nữ	47**	63**	78	79.6
Tỉ lệ biết chữ ở người lớn (2000-2005*)	78	91	90x	
Chỉ số kinh tế				
Thu nhập quốc dân bình quân đầu người (USD, 2006)	7,406	2,371	690	
Phần trăm dân số có mức sống dưới 1 USD mỗi ngày (1995-2005*)	19	9	<2x	
Phần trăm chi tiêu của ngân sách trung ương (1995-2005*) cho:				
• Sức khỏe	14	1	4	
• Giáo dục	5	7	14	
• An ninh, quốc phòng	11	11	-	
Phần trăm mức thu nhập hộ gia đình (1995-2004*)				
• Thấp nhất 40 %	20	17	20	
• Cao nhất 20 %	42	46	44	
HIV và AIDS				
Tỉ lệ nhiễm ở người lớn (15 - 49 tuổi, cuối 2005)	1.0	0.2	0.5	
Ước tính số người (ở mọi độ tuổi) sống chung với HIV (2005)	38,600,000	2,300,000	260,000	
Ước tính số trẻ em (0 - 14 tuổi) sống chung với HIV (2005)	2,300,000	50,000	-	
Ước tính số trẻ em (0 - 17 tuổi) bị mồ côi vì AIDS	15,200,000		-	
Bảo vệ trẻ em				
Việc khai sinh [◇] (1999-2006*)	-	72**	87	87.6
• Thành thị	-	80**	94	94.3
• Nông thôn	-	67**	85	85.6
Tảo hôn (1987-2006*)	-	19**	10	13.1
• Thành thị	-	12**	3	6
• Nông thôn	-	25**	13	15.8
				(under 18)
Lao động trẻ em (5 - 14 tuổi, 1999 - 2006*)	-	10**	16	15.8
• Trẻ em trai	-	11**	15	15.3
• Trẻ em gái	-	10**	16	16.4
Phụ nữ				
Tỉ lệ biết chữ ở người lớn (phụ nữ so với nam giới 2000-2006*)	86	92	93x	
Tỉ lệ phụ nữ được chăm sóc thai sản (% , 2000-2006*)	75	89	91	90.8
Tỉ lệ bà mẹ khi sinh được trợ giúp bởi hộ sinh có tay nghề (% , 2000-2006*)	63	87	88	87.7
Nguy cơ tử vong ở bà mẹ (trong đời người) (2005)	1:92	1:350	1:280	

CHÚ Ý:

* Dữ liệu của năm gần nhất với giai đoạn báo cáo

** Không kể Trung Quốc.

- Không có dữ liệu.

◇ Số liệu khai sinh trên phạm vi toàn cầu và khu vực trong bảng này dựa trên một phân nhóm các quốc gia có số liệu trong giai đoạn 1999-2006. Hiện đã có số liệu khai sinh trên phạm vi toàn cầu và khu vực của nhiều nước trong giai đoạn 1997-2006 và có thể truy cập tại địa chỉ www.childinfo.org/areas/birthregistration.